

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II/2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2,231,861,188,903 | 1,906,384,608,062 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 104,803,574,177 | 96,156,208,207 |
| 1. Tiền | 111 | | 29,203,574,177 | 40,293,502,082 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 75,600,000,000 | 55,862,706,125 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 4,641,251,525 | 5,940,565,400 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 4,641,425,325 | 5,941,425,325 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | (173,800) | (859,925) |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 553,721,699,763 | 312,672,683,720 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 430,813,982,120 | 216,662,635,696 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 38,706,451,955 | 71,671,725,076 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 16,292,397,140 | 21,524,487,140 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 112,938,889,164 | 47,843,856,424 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (45,030,020,616) | (45,030,020,616) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1,548,494,025,130 | 1,453,961,545,102 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 1,548,494,025,130 | 1,453,961,545,102 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 20,200,638,308 | 37,653,605,633 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 20,200,638,308 | 37,653,605,633 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 568,237,228,435 | 327,611,656,692 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 68,563,813,501 | 68,530,205,501 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.7 | 68,563,813,501 | 68,530,205,501 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 24,779,384,377 | 29,950,480,145 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 2,904,812,634 | 5,815,956,760 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 20,574,355,641 | 24,722,330,406 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (17,669,543,007) | (18,906,373,646) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.9 | 21,874,571,743 | 24,134,523,385 |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | 34,891,962,596 | 34,891,962,596 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | (13,017,390,853) | (10,757,439,211) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.10 | 106,666,660 | 122,666,666 |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | 160,000,000 | 160,000,000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | (53,333,340) | (37,333,334) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 454,635,641,265 | 212,477,384,590 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.11 | 364,537,410,000 | 78,000,000,000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.12 | 63,480,000,000 | 107,858,410,000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.13 | 42,758,783,500 | 42,758,783,500 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.14 | (16,140,552,235) | (16,139,808,910) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 20,151,722,632 | 16,530,919,790 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7 | 20,151,722,632 | 16,530,919,790 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2,800,098,417,338 | 2,233,996,264,754 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 2,157,908,549,415 | 1,696,723,221,616 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1,327,257,301,908 | 1,189,053,546,422 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 115,748,897,972 | 193,737,231,278 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.12 | 547,020,638,736 | 340,579,429,710 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.13 | 18,701,140,082 | 177,884,313,428 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2,632,613,097 | 892,946,117 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.14 | 26,197,287,919 | 29,865,408,536 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | V.15 | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.16a | 72,918,719,416 | 75,727,271,887 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.17a | 535,952,190,136 | 369,644,593,264 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.18 | 8,085,814,550 | 722,352,202 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 830,651,247,507 | 507,669,675,194 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.16b | 395,099,066,623 | 189,846,749,971 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.17b | 435,552,180,884 | 317,822,925,223 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 642,189,867,923 | 537,273,043,138 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.19 | 642,189,867,923 | 537,273,043,138 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 500,000,000,000 | 345,966,840,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 500,000,000,000 | 345,966,840,000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 1,458,992,965 | 46,582,114,165 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (43,500,000) | (43,500,000) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 13,637,461,984 | 13,637,461,984 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 6,424,999,651 | 6,424,999,651 |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 120,711,913,323 | 124,705,127,338 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 90,429,753,234 | 27,842,711,916 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 30,282,160,089 | 96,862,415,422 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2,800,098,417,338 | 2,233,996,264,754 |

Người lập biểu



Đặng Thị Loan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Sinh

Lập, ngày 25 tháng 07 năm 2018



Chịu trách nhiệm

Lê Hà Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số nhà 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II/2018

Đơn vị tính: VND

| STT | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Quý II | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----|---|-------|-------------|-----------------|----------------|-----------------------------------|----------------|
| | | | | Quý II/2018 | Quý II/2017 | Năm 2018 | Năm 2017 |
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 244,270,679,863 | 45,366,656,214 | 451,099,308,764 | 85,285,712,216 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | | | | |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 244,270,679,863 | 45,366,656,214 | 451,099,308,764 | 85,285,712,216 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 197,172,005,574 | 43,617,224,184 | 377,396,577,261 | 78,304,365,273 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 47,098,674,289 | 1,749,432,030 | 73,702,731,503 | 6,981,346,943 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 389,984,838 | 774,883,893 | 1,880,545,535 | 817,989,702 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 23,201,456,967 | - | 27,830,093,363 | - |
| 8. | Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 6,049,140,315 | 1,057,304,143 | 7,122,830,881 | 8,180,135,024 |
| 9. | Chi phí bán hàng | 24 | | | | | |
| 10. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.5 | 1,741,507,950 | 725,186,151 | 3,101,709,768 | 1,283,996,505 |
| 11. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 22,545,694,210 | 4,050,556,835 | 44,651,473,907 | 8,787,986,479 |
| 12. | Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 5,641,363,637 | | 5,703,084,305 | |
| 13. | Chi phí khác | 32 | VI.7 | 1,999,917,711 | | 1,999,917,711 | |
| 14. | Lợi nhuận khác | 40 | | 3,641,445,926 | | 3,703,166,594 | |
| 15. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 26,187,140,136 | 4,050,556,835 | 48,354,640,501 | 8,787,986,479 |
| 16. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.20 | 12,810,591,270 | | 18,072,480,412 | |
| 17. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | | | | |
| | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 13,376,548,866 | 4,050,556,835 | 30,282,160,089 | 8,787,986,479 |

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2018

Kế toán trưởng

Người lập biểu

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)
 Hoàng Thị Loan



Chủ tịch HĐQT

CHỦ TỊCH HĐQT
Lê Hà Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 26,187,140,136 | 124,567,621,713 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 1,039,121,009 | 7,166,482,737 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 57,200 | 3,900,297,799 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3 | (1,371,472,037) | (15,334,908,508) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 23,201,456,967 | 6,050,554 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 49,056,303,275 | 120,305,544,295 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (237,222,592,394) | 97,759,650,484 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (94,532,480,028) | (467,456,929,998) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 185,681,256,956 | 356,595,318,051 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (3,620,802,842) | (13,829,758,857) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | 1,300,000,000 | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (23,320,672,914) | (65,076,792,731) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (24,160,591,276) | (5,325,805,725) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 7,696,074,573 | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (915,070,000) | (3,236,480,151) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (140,038,574,650) | 19,734,745,368 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | 4,209,256,050 | (3,488,000,000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (14,566,900,000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 11,981,252,805 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (95,400,000,000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | (242,159,000,000) | 74,674,988,023 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 17,751,472,037 | 1,562,380,891 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (220,198,271,913) | (25,236,278,281) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|------------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 84,847,360,000 | 99,981,870,000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 295,251,480,003 | 488,724,037,641 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (8,407,950,190) | (517,266,084,304) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | (2,806,677,280) | (7,322,255,422) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <u><i>368,884,212,533</i></u> | <u><i>64,117,567,915</i></u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 8,647,365,970 | 58,616,035,002 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 96,156,208,207 | 37,540,173,205 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | <u>104,803,574,177</u> | <u>96,156,208,207</u> |

Lập, ngày 25 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu

Đặng Thị Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Sinh



Chủ tịch HĐQT

Lê Hà Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II Năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Đầu tư bất động sản và thi công xây lắp
- Ngành nghề kinh doanh chính:**
Hoạt động chính của Công ty là:
 - Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, xây dựng các công trình giao thông;
 - Hoạt động kinh doanh dịch vụ;
 - Hoạt động mua bán hàng hóa, vật tư;
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường** Trong vòng 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
- Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**
Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

| <u>Tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|----------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 |
| Máy móc và thiết bị | 03-05 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05-09 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03-04 |

Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý kinh doanh bất động sản khấu hao trong thời gian 5 năm.

Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Tài sản cố định thuê tài chính</u> | <u>Số năm</u> |
|--|----------------------|
| Máy móc và thiết bị | 08 |
| Phương tiện | 06 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 10 |

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng là 20%.

17. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày trong mục V. VI. VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 3.683.601.121 | 1.462.767.253 |
| Tiền gửi ngân hàng | 25.519.973.056 | 7.667.039.622 |
| Tiền đang chuyển | - | 31.163.695.207 |
| Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng | 75.600.000.000 | 55.862.706.125 |
| Cộng | <u>104.803.574.177</u> | <u>96.156.208.207</u> |

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

| Cổ phiếu | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| Công ty Cổ phần BOT Cầu Phú Mỹ | | | - | 1.300.000.000 | 1.300.000.000 | - |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín | 1.425.325 | 1.251.525 | (173.200) | 1.425.325 | 565.400 | (859.925) |
| Công ty CP TM và Vận tải Petrolimex Hà Nội | 4.640.000.000 | 4.640.000.000 | - | 4.640.000.000 | 4.640.000.000 | - |
| Cộng | <u>4.641.425.325</u> | <u>4.641.251.525</u> | <u>(173.800)</u> | <u>5.941.425.325</u> | <u>5.940.565.400</u> | <u>(859.925)</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> |
|--------------------|------------------|
| Số đầu năm | (859.925) |
| Hoàn nhập dự phòng | 116.600 |
| Trích lập bổ sung | (173.800) |
| Số cuối kỳ | <u>(917.125)</u> |

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 256.891.143.683 | 80.060.728.705 |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội | 3.090.107.443 | 2.328.326.850 |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn | 253.801.036.240 | 77.732.401.855 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 173.922.838.437 | 136.601.906.991 |
| Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam | 21.700.610.682 | 21.700.610.682 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Long Giang | 31.607.559.153 | 31.607.559.153 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Việt Nam | 6.807.724.175 | 6.807.724.175 |
| Công ty Cổ phần Xây Dựng và Kỹ thuật Việt Nam | 5.586.161.832 | 5.586.161.832 |
| Công ty Cổ phần ĐT - XD và Kinh doanh An Bình | 2.924.711.733 | 2.924.711.733 |
| Công ty Cổ phần Lilama Hà Nội | 828.693.477 | 828.693.477 |
| Công ty Cổ phần XD số 1 HN | 3.433.454.604 | 3.433.454.604 |
| Công ty CP Đầu tư thương mại dịch vụ Xuân Thủy | 2.438.123.060 | 2.094.710.060 |
| Các khách hàng khác | 98.595.799.721 | 61.618.281.275 |
| Cộng | <u>430.813.982.120</u> | <u>216.662.635.696</u> |

4. Trả trước người bán ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước cho bên liên quan</i> | 15.160.919.776 | 38.134.533.619 |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội | 15.160.919.776 | 32.343.324.619 |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn | | 5.791.209.000 |
| <i>Trả trước cho các khách hàng khác</i> | 23.545.532.179 | 33.537.191.457 |
| Công ty TNHH 3C Công Nghiệp | 2.977.310.933 | |
| Công ty TNHH Tư Vấn Đại Học Xây Dựng | 0 | 1.765.527.273 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Lạnh Hưng Trí | 7.897.907.033 | 8.471.072.973 |
| Công ty TNHH Thang Máy Mitsubishi Việt Nam | 0 | 2.675.614.600 |
| Công ty TNHH Vina-Sanwa | 41.851.098 | |
| Các nhà cung cấp khác | 12.628.463.115 | 20.624.976.611 |
| Cộng | <u>38.706.451.955</u> | <u>71.671.725.076</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Cho vay các bên liên quan</i> | 738.010.000 | 10.520.100.000 |
| Công ty Cổ phần Minh Phát | 738.010.000 | 520.100.000 |
| Công ty cổ phần Long Giang Sài Gòn | | 10.000.000.000 |
| <i>Cho vay các đối tượng khác</i> | 15.554.387.140 | 11.004.387.140 |
| Cộng | <u>16.292.397.140</u> | <u>21.524.487.140</u> |

6. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-------------------------------|----------|------------------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 349.368.244 | - | 16.729.368.244 | - |
| Công ty CP Long Giang Sài Gòn | 349.368.244 | - | 349.368.244 | - |
| Công ty CP Long Giang Hà Nội | 0 | | 16.380.000.000 | |
| <i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i> | 112.589.520.920 | - | 31.114.488.180 | - |
| Cộng | <u>112.938.889.164</u> | - | <u>47.843.856.424</u> | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết nợ xấu và trích lập các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|--------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Thời gian quá hạn | Giá gốc |
| Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam | Quá hạn trên 3 năm | 8.000.000.000 | Quá hạn trên 3 năm | 8.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng số I Hà Nội | Quá hạn trên 3 năm | 2.700.617.731 | Quá hạn trên 3 năm | 2.700.617.731 |
| Công ty Xây dựng số 1 | Quá hạn trên 3 năm | 725.814.494 | Quá hạn trên 3 năm | 725.814.494 |
| Công ty Delta | Quá hạn trên 3 năm | 681.210.289 | Quá hạn trên 3 năm | 681.210.289 |
| Công ty Cổ phần LILAMA Hà Nội | Quá hạn trên 3 năm | 828.693.477 | Quá hạn trên 3 năm | 828.693.477 |
| Công ty Cầu 12 | Quá hạn trên 3 năm | 644.405.913 | Quá hạn trên 3 năm | 644.405.913 |
| Tổng Công ty Vinaconex (công trình Kho bạc Nhà nước) | Quá hạn trên 3 năm | 288.390.391 | Quá hạn trên 3 năm | 288.390.391 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu tư Long Giang - Chia Lợi nhuận | Quá hạn trên 3 năm | 4.729.144.090 | Quá hạn trên 3 năm | 4.729.144.090 |
| Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam | Quá hạn trên 3 năm | 13.700.610.682 | Quá hạn trên 3 năm | 13.700.610.682 |
| Công ty CP Xây Dựng và Kỹ thuật Việt Nam. | Quá hạn trên 3 năm | 5.586.161.832 | Quá hạn trên 3 năm | 5.586.161.832 |
| Công ty CP Long Việt - Dự án đại Học Cần thơ. | Quá hạn trên 3 năm | 1.704.662.296 | Quá hạn trên 3 năm | 1.704.662.296 |
| Công ty Cổ phần Địa Ốc COMA | Quá hạn trên 3 năm | 956.866.074 | Quá hạn trên 3 năm | 956.866.074 |
| Công ty Cổ Phần Cung Cấp Giải Pháp Kỹ Thuật. | Quá hạn trên 3 năm | 548.772.197 | Quá hạn trên 3 năm | 548.772.197 |
| CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT XÂY DỰNG ĐÔNG DƯƠNG. | Quá hạn trên 3 năm | 235.628.628 | Quá hạn trên 3 năm | 235.628.628 |
| Cty BMC - T/c Công trình Itaxa | Quá hạn trên 3 năm | 100.000.000 | Quá hạn trên 3 năm | 100.000.000 |
| Các đối tượng khác | Quá hạn trên 3 năm | 3.599.042.522 | Quá hạn trên 3 năm | 3.599.042.522 |
| Cộng | | 45.030.020.616 | | 45.030.020.616 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> |
|----------------------------|--------------------------------|
| Số đầu năm | <u>(45.030.020.616)</u> |
| Trích lập dự phòng bổ sung | (0) |
| Hoàn nhập dự phòng | 0 |
| Số cuối kỳ | <u><u>(45.030.020.616)</u></u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

| 8. Hàng tồn kho | | | | |
|--|--------------------------------|--|--------------------------------------|-----------------------|
| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Số đầu năm</u> | <u>Dự phòng</u> |
| CP SXKD dở dang | 1.547.204.527.284 | - | 1.452.672.047.256 | - |
| Hàng hóa | 1.289.497.846 | - | 1.289.497.846 | - |
| Cộng | 1.548.494.025.130 | - | 1.453.961.545.102 | - |
| 9. Phải thu dài hạn khác | | | | |
| Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn. | | | | |
| 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình | | | | |
| | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 19.700.252.560 | 4.586.995.636 | 435.082.210 | 24.722.330.406 |
| Tăng trong kỳ | | | | |
| Giảm do thanh lý, nhượng bán | (4.147.974.765) | | | (4.147.974.765) |
| Số cuối kỳ | 15.552.277.795 | 4.586.995.636 | 435.082.210 | 20.574.355.641 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| <i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i> | 1.719.326.718 | 1.118.995.636 | 296.647.000 | 3.134.969.354 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 17.097.282.943 | 1.458.995.638 | 350.095.065 | 18.906.373.646 |
| Khấu hao trong kỳ | 911.127.971 | 340.000.002 | 23.687.518 | 1.274.815.491 |
| Giảm do thanh lý | (2.511.646.130) | | | (2.511.646.130) |
| Số cuối kỳ | 15.496.764.784 | 1.798.995.640 | 373.782.583 | 17.669.543.007 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 2.602.969.617 | 3.127.999.998 | 84.987.145 | 5.815.956.760 |
| Số cuối kỳ | 55.513.011 | 2.787.999.996 | 61.299.627 | 2.904.812.634 |

Tài sản cố định là xe ô tô 4Runner có nguyên giá 1.118.995.636 đã hết khấu hao được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xuân Thủy.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định thuê tài chính**

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 17.500.000.000 | 10.495.665.455 | 6.896.297.141 | 34.891.962.596 |
| Thuê tài chính trong kỳ | | | | |
| Chuyển TS TTC sang TSCĐHH | | | | |
| Số cuối kỳ | 17.500.000.000 | 10.495.665.455 | 6.896.297.141 | 34.891.962.596 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 3.329.829.533 | 3.343.811.130 | 4.083.798.548 | 10.757.439.211 |
| Khấu hao trong kỳ | 1.093.749.996 | 895.979.400 | 270.222.246 | 2.259.951.642 |
| Giảm hao mòn trong kỳ | | | | |
| Số cuối kỳ | <u>4.423.579.529</u> | <u>4.239.790.530</u> | <u>4.354.020.794</u> | <u>13.017.390.853</u> |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 14.170.170.467 | 7.151.854.325 | 2.812.498.593 | 24.134.523.385 |
| Số cuối kỳ | <u>13.076.420.471</u> | <u>6.255.874.925</u> | <u>2.542.276.347</u> | <u>21.874.571.743</u> |

12. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm quản lý kinh doanh bất động sản, chi tiết phát sinh như sau:

| | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 160.000.000 | (37.333.334) | 122.666.666 |
| Mua trong kỳ | | | |
| Khấu hao | - | (16.000.006) | (16.000.006) |
| Số cuối kỳ | <u>160.000.000</u> | <u>(53.333.340)</u> | <u>106.666.660</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

| 13. Đầu tư tài chính dài hạn | Số cuối kỳ | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào công ty con | 364.537.410.000 | (14.646.716.014) | 349.890.693.986 | 78.000.000.000 | (14.646.716.014) | 63.353.283.986 |
| Công ty CP Minh Phát (1) | 78.000.000.000 | (14.646.716.014) | 63.353.283.986 | 78.000.000.000 | (14.646.716.014) | 63.353.283.986 |
| Công ty Cổ phần TM DV Nghĩa Đô (2) | 115.537.410.000 | | 115.537.410.000 | | | |
| Công ty CP Rivera Hà Nội (3) | 30.600.000.000 | | 30.600.000.000 | | | |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 63.480.000.000 | | 63.480.000.000 | 107.858.410.000 | | - 107.858.410.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô (2) | | | | 61.658.410.000 | | - 61.658.410.000 |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội (4) | 28.800.000.000 | | 28.800.000.000 | 28.800.000.000 | | - 28.800.000.000 |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn (5) | 28.800.000.000 | | 28.800.000.000 | 17.400.000.000 | | - 17.400.000.000 |
| Công ty CP QL và Khai Thác BĐS Rivera Homes | 5.880.000.000 | | 5.880.000.000 | | | |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 42.758.783.500 | (1.493.092.896) | 41.265.690.604 | 42.758.783.500 | (1.493.092.896) | 41.265.690.604 |
| Công ty Cổ phần ĐTTM DV Xuân Thủy (6) | 8.912.187.500 | | 8.912.187.500 | 8.912.187.500 | | 8.912.187.500 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô Thị Vạn Xuân | 7.000.000.000 | | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 | | 7.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Long Giang TSQ | 10.000.000.000 | (1.493.092.896) | 8.506.907.104 | 10.000.000.000 | (1.493.092.896) | 8.506.907.104 |
| Công ty Cổ phần Cung cấp Giải pháp Kỹ thuật | 3.000.000.000 | | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 | | 3.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Descon (7) | 13.846.596.000 | | 13.846.596.000 | 13.846.596.000 | | 13.846.596.000 |
| Cộng đầu tư dài hạn | 470.776.193.500 | (16.139.808.910) | 454.636.384.590 | 228.617.193.500 | (16.139.808.910) | 212.477.384.590 |

(1) Theo Biên bản/Nghị Quyết hợp HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021 số: 13/2017/NQ-HĐQT ngày 31/08/2017. Theo đó, Công ty Minh Phát tăng số vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 276 tỷ đồng, hiện tại Công ty đang nắm giữ 65% vốn điều lệ Công ty Minh Phát, nên trong kỳ Công ty đã chuyển tiền số tiền góp vốn vào Công ty Minh Phát: 140.4 tỷ đồng, năm tổng cộng: 17.940.000 cổ phần của Công ty Minh Phát.

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô, trong kỳ Công ty đã đầu tư thêm: 538.970 cổ phiếu tương đương số: 53.879.000.000 VND; Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Công ty đã đầu tư 115.357.410.000 VND tương đương 52.46 % vốn điều lệ. Số lượng cổ phiếu sở hữu đến 30 tháng 06 năm 2018 là 1.063.872 cổ phiếu.

(3) Theo Nghị Quyết HĐQT số: 67.2017/NQ-HĐQT về việc thông qua chủ trương góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Rivera Hà Nội, với số vốn điều lệ: 60 tỷ đồng, Công ty Long Giang Land dự kiến góp 51%; Đến ngày 30/06/2018, Công ty Long Giang Land đã góp đủ số vốn 51% tương số tiền: 30.600.000.000 VND.

(4) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội, Theo Biên bản/Nghị Quyết hợp HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021 số: 13/2017/NQ-HĐQT ngày 31/08/2017. Tại ngày 30/06/2018, giá trị khoản đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội là: 28.800.000.000 VND.

(5) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn, Theo Biên bản/Nghị Quyết hợp HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021 số: 13/2017/NQ-HĐQT ngày 31/08/2017. Tại ngày 30/06/2018, giá trị khoản đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội là: 28.800.000.000 VND.

(6) Thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị số: 69/2017/NQ-HĐQT ngày 20/04/2017; Về việc: thoái vốn 2.052.000 cổ phần tương ứng 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch vụ Xuân Thủy, Đến ngày 05/10/2017; Công ty đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Xuân Thủy.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thủy. Số cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang hiện giữ sau thoái vốn: 866.400 cổ phần tương ứng 19% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch Vụ Xuân Thủy.

(7) Khoản đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Descon với số lượng cổ phiếu là 525.060, giá trị mua 13.846.596.000 VND. Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Descon đã hủy niêm yết từ năm 2011, cổ phiếu của công ty này không còn giao dịch trên thị trường.

14. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 16.530.919.790 | 2.701.160.933 |
| Số phát sinh trong năm | 4.521.291.142 | 17.324.693.909 |
| Số phân bổ chi phí | 900.488.300 | (3.494.935.052) |
| Số cuối năm | <u>20.151.722.632</u> | <u>16.530.919.790</u> |

15. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>35.803.732.436</i> | <i>101.481.148.006</i> |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội | 21.493.789.842 | 45.085.219.746 |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn | 13.224.726.412 | 56.395.928.260 |
| Công ty CP Quản lý và Khai thác BĐS Rivera Homes | 1.085.216.182 | |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>79.945.165.536</i> | <i>92.256.083.272</i> |
| Cộng | <u>115.748.897.972</u> | <u>193.737.231.278</u> |

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp</u> | <u>Số đã nộp</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Thuế TNDN | 22.408.668.987 | 18.072.480.412 | 23.715.421.461 | 16.765.727.938 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.499.321.886 | 1.092.185.730 | 1.906.902.027 | 1.684.605.589 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | 152.725.516.000 | | 152.725.516.000 | - |
| Các loại thuế khác | 45.339.657 | | | 45.339.657 |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 205.466.898 | | | 205.466.898 |
| Cộng | <u>177.884.313.428</u> | <u>19.164.666.142</u> | <u>178.347.839.488</u> | <u>18.701.140.082</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10 %.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Phải trả ngắn hạn khác**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả bên liên quan | 28.478.486 | 1.866.042.741 |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội | 7.575.000 | 7.575.000 |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn | 20.903.486 | 1.858.467.741 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 72.890.240.930 | 73.861.229.146 |
| Kinh phí công đoàn | 773.177.836 | 695.327.084 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 248.913.580 | 167.437.430 |
| Nhận đặt cọc ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 54.831.646.837 | 58.941.935.463 |
| Kinh phí bảo trì dự án Thành Thái | 15.084.322.185 | 12.126.542.726 |
| Phí quản lý căn hộ dự án Thành Thái | 1.176.009.018 | 1.381.814.537 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 193.135.400 | 193.135.400 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 583.036.074 | 355.036.506 |
| Cộng | 72.918.719.416 | 75.727.271.887 |

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm | | |
|---|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan | 2.719.100.000 | 2.719.100.000 | 2.919.100.000 | 2.919.100.000 |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nghĩa Đô | 2.719.100.000 | 2.719.100.000 | 2.919.100.000 | 2.919.100.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 533.233.090.136 | 533.233.090.136 | 361.826.991.271 | 361.826.991.271 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 461.383.010.059 | 461.383.010.059 | 240.452.958.139 | 240.452.958.139 |
| Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (b) | 31.507.960.670 | 31.507.960.670 | 32.934.008.522 | 32.934.008.522 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (c) | 429.875.049.389 | 429.875.049.389 | 207.518.949.617 | 207.518.949.617 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 71.850.080.077 | 71.850.080.077 | 126.272.535.125 | 126.272.535.125 |
| Công ty CP TM và Dịch vụ Xuân Thủy (a) | 0 | 0 | 2.993.361.558 | 2.993.361.558 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vạn Xuân (d) | 4.338.990.000 | 4.338.990.000 | 4.338.990.000 | 4.338.990.000 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân khác | 44.639.181.899 | 44.639.181.899 | 83.196.367.211 | 83.196.367.211 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 20.199.998.000 | 20.199.998.000 | 30.399.996.000 | 30.399.996.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 2.671.910.178 | 2.671.910.178 | 5.343.820.356 | 5.343.820.356 |
| Cộng | <u>535.952.190.136</u> | <u>535.952.190.136</u> | <u>369.644.593.264</u> | <u>369.644.593.264</u> |

(a) Khoản vay công ty CPĐT TM DV Xuân Thủy theo hợp đồng nguyên tắc số 0114/LGL-XT ngày 02/01/2014 và phụ lục hợp đồng ngày 02/01/2016 gia hạn thời gian vay. Lãi suất vay 10.6%/năm. Trong kỳ đã trả hết nợ gốc vay.

(b) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Đông Hà Nội theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1420-LAV-201600261 ngày 24/6/2016, hạn mức cấp tín dụng 55.000.000.000 VND, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD, thời hạn vay, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản bảo đảm là các quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại căn hộ 2404 Khu HH1 số 114 Mai Hắc Đế, phường Lê Đại Hành, quận hai Bà Trưng, Hà Nội của Ông Lê Hà Giang và Bà Ngô Thị Thanh Hòa, tại căn hộ 2302 - Tháp B - tòa nhà chung cư 173 Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nội của Ông Nguyễn Quốc Chinh và Bà Nguyễn Thị Thanh Hà, tại căn hộ 2303 - Tháp B - tòa nhà chung cư 173 Xuân Thủy, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội của Bà Ngô Thị Thu Hiền

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 68/2016/HĐHM-PN/SHB.110600 ngày 09/03/2016, hạn mức cấp tín dụng 352.500.000.000 VND, mục đích vay tài trợ cho chi phí đầu tư dự án khu chung cư Thành Thái, thời hạn vay và lãi suất vay được quy định trong từng lần kế ước nhận nợ, thời hạn vay trong kế ước nhận nợ tối đa không vượt quá 12 tháng, Tài sản đảm bảo là toàn bộ dự án khu chung cư Thành Thái tại địa chỉ số 7/28, đường Thành Thái, phường 14, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh do Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang làm chủ đầu tư.

(d) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Vạn Xuân theo hợp đồng vay số HĐ 04/2011/VX ngày 19 tháng 5 năm 2011, tổng số tiền cho vay 4.643.990.000 đồng không lãi suất, Thời hạn cho vay theo nhu cầu vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Long Giang.

| 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | | |
|-----------------------------------|---------------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Số đầu năm | Tăng trong kỳ | Chi quỹ trong kỳ | Số cuối kỳ |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 128.963.108 | 9.139.295.303 | 1.775.832.955 | 7.492.425.456 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 593.389.094 | | | 593.389.094 |
| Cộng | 722.352.202 | 0 9.139.295.303 | 1.775.832.955 | 0 8.085.814.550 |

| 20. Phải trả dài hạn khác | Phải trả dài hạn khác | |
|--|------------------------|------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Ông Mai Thanh Phương - góp vốn dự án Việt Hưng | 10.232.722.500 | 10.232.722.500 |
| Công ty Cổ phần Địa Ốc Bách Việt góp vốn dự án 69 Vũ Trọng Phụng | 7.779.220.533 | 7.779.220.533 |
| Công ty Cổ phần ĐTTMDV Xuân Thủy - Góp vốn VTP | 21.000.000.000 | 21.000.000.000 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hương - hợp tác kinh doanh dự án Sài Đồng | 2.500.000.000 | 2.500.000.000 |
| Công ty TNHH Long Thịnh góp vốn dự án Cần Thơ | 458.599.632 | 458.599.632 |
| Trần Hữu Thắng góp tiền mua cổ phiếu Boot của dự án Phú Mỹ | | 1.300.000.000 |
| Các khoản góp vốn dự án Vũ Trọng Phụng | 1.269.811.000 | 1.269.811.000 |
| Góp vốn dự án Thành Thái | 151.458.712.958 | 145.306.396.306 |
| Công ty Cổ phần Long Giang Hà Nội - Góp vốn DAVTP | 30.000.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Long Giang Sài Gòn - Góp vốn DAVTP | 30.000.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Minh Phát - Góp vốn DA VTP | 140.400.000.000 | |
| Cộng | 395.099.066.623 | 189.846.749.971 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty TNHH MTV cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (1) | 9.076.877.614 | 9.076.877.614 | 307.312.708.609 | 307.312.708.609 |
| Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch số 1 (2) | 425.041.964.270 | 425.041.964.270 | 1.433.339.000 | 1.433.339.000 |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội | 1.433.339.000 | 1.433.339.000 | 9.076.877.614 | 9.076.877.614 |
| Cộng | <u>435.552.180.884</u> | <u>435.552.180.884</u> | <u>317.822.925.223</u> | <u>317.822.925.223</u> |

- (1) Công ty vay dài hạn của Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo các hợp đồng cho thuê tài chính:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 109.16.01/CTTC ngày 16/03/2016, tài sản cho thuê tài chính là 2 căn phân phối bê tông có tổng giá trị là 3.910.000.000 VND, trị giá gốc tính cho thuê 2.737.000.000 VND, mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 4 năm tính từ ngày bên cho thuê chuyển tiền cho nhà cung cấp. Trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng theo lịch thanh toán cụ thể. Lãi cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 2.4%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Bên thuê có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản trong suốt thời hạn thuê.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 109.16.02/CTTC ngày 05/05/2016, tài sản cho thuê tài chính là xe ô tô Kia Grand Sedona BKS 30E-167.19 có tổng giá trị là 1.384.160.000 VND, trị giá gốc tính cho thuê là 1.107.328.000 VND, mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 5 năm tính từ ngày bên cho thuê chuyển tiền cho nhà cung cấp. Trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng theo lịch thanh toán cụ thể. Lãi cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 2.4%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Bên thuê có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản trong suốt thời hạn thuê.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 109.16.03/CTTC ngày 12/05/2016, tài sản cho thuê tài chính là 1 xe ô tô Hyundai Sonata 2.0AT có tổng giá trị là 1.145.600.000 VND, trị giá gốc tính cho thuê là 916.480.000 VND, mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 5 năm tính từ ngày bên cho thuê chuyển tiền cho nhà cung cấp. Trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng theo lịch thanh toán cụ thể. Lãi cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 2.4%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Bên thuê có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản trong suốt thời hạn thuê.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 109.16.04/CTTC ngày 12/05/2016, tài sản cho thuê tài chính là 1 xe ô tô Pajero GLS AT 3.8L có tổng giá trị là 2.249.480.000 VND, trị giá gốc tính cho thuê là 1.799.584.000 VND, mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 5 năm tính từ ngày bên cho thuê chuyển tiền cho nhà cung cấp. Trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng theo lịch thanh toán cụ thể. Lãi cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 2.4%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Bên thuê có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản trong suốt thời hạn thuê.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 109.16.05/CTTC ngày 31/05/2016, tài sản cho thuê tài chính là 1 căn cầu tháp Zoomlion có tổng giá trị là 4.470.000.000 VND, trị giá gốc tính cho thuê là 3.129.000.000 VND, mục đích sử

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 4 năm tính từ ngày bên cho thuê chuyển tiền cho nhà cung cấp. Trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng theo lịch thanh toán cụ thể. Lãi cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 2.4%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Bên thuê có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản trong suốt thời hạn thuê.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 77.15.02/CTTC ngày 29/12/2015, tài sản cho thuê tài chính là 1 xe ô tô Kia Sedona 51F-572.59 có tổng giá trị là 1.394.800.000 VND, trị giá gốc tính cho thuê là 1.115.840.000 VND, mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 5 năm tính từ ngày bên cho thuê chuyển tiền cho nhà cung cấp. Trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng theo lịch thanh toán cụ thể. Lãi cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 2.4%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Bên thuê có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản trong suốt thời hạn thuê.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 20.11.05/CTTC ngày 28/01/2011 và phụ lục 02 về thay đổi thời hạn cho thuê, tài sản cho thuê tài chính là 2 máy khoan cọc nhồi có tổng giá trị là 19.500.000.000 VND, trị giá gốc tính cho thuê là 13.000.000.000 VND, mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 6 năm tính từ ngày bên cho thuê chuyển tiền cho nhà cung cấp. Trả nợ gốc và lãi định kỳ 3 tháng/lần theo lịch thanh toán cụ thể. Lãi cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 2.7%/năm và điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Bên thuê có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản trong suốt thời hạn thuê.

Hợp đồng cho thuê tài chính số 20.11.06/CTTC ngày 08/4/2011 và phụ lục 02 về thay đổi thời hạn cho thuê, tài sản cho thuê tài chính là thiết bị điều hòa không khí và thông gió tầng 24 và tầng kỹ thuật mái có giá trị là 285.749.2 USD, trị giá gốc tính cho thuê là 257.174 USD, mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 6 năm tính từ ngày bên cho thuê chuyển tiền cho nhà cung cấp. Trả nợ gốc và lãi định kỳ 3 tháng/lần theo lịch thanh toán cụ thể. Lãi cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 2.7%/năm và điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn. Bên thuê có trách nhiệm mua bảo hiểm tài sản trong suốt thời hạn thuê. Phụ lục hợp đồng số 02 của hợp đồng trên điều chỉnh thời hạn cho thuê là 06 năm tính từ ngày nhận nợ đầu tiên.

Hợp đồng thuê tài chính số 109.15.02/CCTC ngày 31/8/2015, tài sản thuê tài chính là 2 vận thăng lồng GJJ Model SC200/200TD có tổng giá trị là 3.200.000.000 VND, trị giá gốc tính thuê là 2.560.000.000 VND, mục đích sử dụng là mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 2 năm tính từ ngày bên cho thuê chuyển tiền cho nhà cung cấp. Trả nợ gốc và lãi định kỳ 3 tháng/lần theo lịch thanh toán cụ thể. Lãi cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 2.4%/năm và điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn.

Hợp đồng thuê tài chính số 109.15.04/CCTC ngày 25 tháng 11 năm 2015, tài sản thuê tài chính là xe BMW 740LI có tổng giá trị là 4.409.000.000 VND, trị giá gốc tính thuê là 80% giá trị xe và phí trước bạ, làm biển (Trị giá gốc thuê thực tế 3.966.464.000 VND), mục đích sử dụng là mục đích sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê là 5 năm tính từ ngày bên cho thuê chuyển tiền cho nhà cung cấp. Trả nợ gốc và lãi định kỳ 3 tháng/lần theo lịch thanh toán cụ thể. Lãi cho thuê được tính bằng lãi suất cho thuê cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng biên độ 2.4%/năm và điều chỉnh 6 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho thuê trong hạn.

(2). Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 1 theo hợp đồng tín dụng số 01/2016/272693/HĐTD ký ngày 12 tháng 08 năm 2016. Hạn mức của khoản vay là 500.000.000.000, mục đích vay là để tài trợ các chi phí hợp lý đầu tư thực hiện Dự án Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn phòng và Nhà ở tại số 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân, Hà Nội. Thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất vay thỏa thuận thả nổi, định kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

điều chỉnh 3 tháng/lần. lãi quá hạn là 130% lãi trong hạn. Thời gian ân hạn của khoản vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau khi kết thúc thời gian ân hạn sẽ thực hiện thanh toán số dư nợ gốc định kỳ 3 tháng/lần. Lịch trả nợ được lập trong vòng 1 tháng trước khi kết thúc thời gian ân hạn. Khoản vay được giải ngân lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018
Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|-------------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 199.992.750.000 | 92.574.334.165 | (43.500.000) | 11.682.477.081 | 5.841.238.541 | 32.475.955.271 | 342.523.255.058 |
| Tăng trong năm trước | 145.974.090.000 | | 0 | 1.954.984.903 | 583.761.110 | 96.862.415.422 | 245.375.251.435 |
| Giảm trong năm trước | | (45.992.220.000) | | | | (4.633.243.355) | (50.625.463.355) |
| Số dư cuối năm trước | <u>345.966.840.000</u> | <u>46.582.114.165</u> | <u>(43.500.000)</u> | <u>13.637.461.984</u> | <u>6.424.999.651</u> | <u>124.705.127.338</u> | <u>537.273.043.138</u> |
| Số dư đầu năm nay | <u>345.966.840.000</u> | <u>46.582.114.165</u> | <u>-43.500.000</u> | <u>13.637.461.984</u> | <u>6.424.999.651</u> | <u>124.705.127.338</u> | <u>537.273.043.138</u> |
| Tăng trong kỳ này | 154.033.160.000 | | - | | | 30.282.160.088 | 184.315.320.088 |
| Giảm trong kỳ này | | 45.123.121.200 | | | | 34.275.374.103 | 79.398.495.303 |
| Số dư cuối kỳ | <u>500.000.000.000</u> | <u>0</u> | <u>-43.500.000</u> | <u>0</u> | <u>6.424.999.651</u> | <u>120.711.913.323</u> | <u>642.189.867.923</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ LONG GIANG

Địa chỉ: Số 173, đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2018

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

23. Giải trình kết quả kinh doanh Quý II/2018

Theo báo cáo tài chính Quý II/2018, lợi nhuận sau thuế Quý II/2018 là: 13.376.548.866 đồng, tăng: 9.325.992.031 đồng so với Quý II/2017 (lợi nhuận sau thuế Quý II/2017 là: 4.050.556.835 đồng). Nguyên nhân: do lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp hàng hóa dịch vụ Quý II/2018 đạt: 47.098.674.289 đồng, tăng 45.349.242.259 đồng so với Quý II/2017. Doanh thu hoạt động tài chính Quý II/2018 là: 389.984.383 đồng, giảm: 384.899.055 đồng so với Quý II/2017. Chi phí tài chính Quý II/2018 là: 27.489.536.130 đồng, tăng: 29.740.963.193 đồng so với Quý II/2017; Chi phí quản lý doanh nghiệp Quý II/2018 là: 1.741.507.950 đồng, tăng: 1.016.321.799 đồng so với Quý II/2017. Lợi nhuận khác Quý II/2018 là: 3.641.445.926 đồng, tăng: 3.641.445.926 đồng so với Quý II/2017; Thuế TNDN phải nộp Quý II/2018: 12.810.591.270 đồng; nên dẫn tới kết quả như trên.

Lập, ngày 25 tháng 07 năm 2018

Người lập biểu

Đặng Thị Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Sinh

Chủ tịch HĐQT



Lê Hà Giang